

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
(Kèm theo Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

SỐ TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Toàn trình	Cơ quan giải quyết
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 22 TTHC			
1.	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Toàn trình	Sở Y tế
2.	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền.	Toàn trình	Sở Y tế
3.	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Toàn trình	Sở Y tế
4.	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Toàn trình	Sở Y tế
5.	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	Sở Y tế
6.	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	Sở Y tế

7.	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	Sở Y tế
8.	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	Sở Y tế
9.	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Toàn trình	Sở Y tế
10.	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Toàn trình	Sở Y tế
11.	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	Toàn trình	Sở Y tế
12.	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Toàn trình	Sở Y tế
13.	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Toàn trình	Sở Y tế
14.	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Toàn trình	Sở Y tế
15.	1.012275	Đăng ký hành nghề	Toàn trình	Sở Y tế
16.	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành	Toàn trình	Sở Y tế

		nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		
17.	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Toàn trình	Sở Y tế
18.	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Toàn trình	Sở Y tế
19.	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Toàn trình	Sở Y tế
20.	1.002464	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình	Sở Y tế
21.	1.000562	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Toàn trình	Sở Y tế
22.	1.000511	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Toàn trình	Sở Y tế
II. LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN : 05 TTHC				

23.	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024	Toàn trình	Sở Y tế
24.	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	Toàn trình	Sở Y tế
25.	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	Toàn trình	Sở Y tế
26.	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền y theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	Toàn trình	Sở Y tế
27.	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền y theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	Toàn trình	Sở Y tế
III. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO: 01 TTHC				
28.	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở KCB thuộc Sở Y tế và cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Toàn trình	Sở Y tế
IV. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG: 02 TTHC				
29.	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Toàn trình	Sở Y tế

30.	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Toàn trình	Sở Y tế
31.	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
32.	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
33.	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
34.	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
35.	1.000844	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
36.	1.003958	Công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
37.	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
38.	1.004488	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

39.	1.004461	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
40.	1.004471	Công bố lại đối với cơ sở công bố điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện bằng hình thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
41.	1.004477	Công bố lại đối với cơ sở công bố điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện bằng hình thức điện tử khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Toàn trình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
V. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ: 01 TTHC				
42.	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Toàn trình	Sở Y tế
VI. LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ: 03 TTHC				
43.	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Toàn trình	Sở Y tế
44.	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Toàn trình	Sở Y tế
45.	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Toàn trình	Sở Y tế
VII. LĨNH VỰC DƯỢC - MỸ PHẨM: 38 TTHC				

46.	1.004616	Cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề dược nhưng chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	Toàn trình	Sở Y tế
47.	1.004604	Cấp chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề dược	Toàn trình	Sở Y tế
48.	1.004593	Cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của sở y tế	Toàn trình	Sở Y tế
49.	1.004585	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của sở y tế	Toàn trình	Sở Y tế
50.	1.004576	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình	Sở Y tế
51.	1.004571	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của sở y tế	Toàn trình	Sở Y tế
52.	1.004557	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Toàn trình	Sở Y tế
53.	1.004449	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Toàn trình	Sở Y tế

54.	1.004087	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Toàn trình	Sở Y tế
55.	1.003963	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Toàn trình	Sở Y tế
56.	1.002258	Cấp chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP)	Toàn trình	Sở Y tế
57.	1.002292	Duy trì chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP)	Toàn trình	Sở Y tế
58.	1.003001	Cấp chứng nhận đạt thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	Toàn trình	Sở Y tế
59.	1.002952	Duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	Toàn trình	Sở Y tế
60.	1.004516	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Toàn trình	Sở Y tế
61.	1.004459	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Toàn trình	Sở Y tế
62.	1.002399	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Toàn trình	Sở Y tế
63.	1.004532	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc	Toàn trình	Sở Y tế

64.	1.004529	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất	Toàn trình	Sở Y tế
65.	1.004585	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Toàn trình	Sở Y tế
66.	1.001893	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Toàn trình	Sở Y tế
67.	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Toàn trình	Sở Y tế
68.	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ (phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ Y tế về Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Toàn trình	Sở Y tế
69.	1.004599	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Toàn trình	Sở Y tế
70.	1.004596	Điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Toàn trình	Sở Y tế
71.	1.002483	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Toàn trình	Sở Y tế
72.	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Toàn trình	Sở Y tế

73.	1.000990	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng	Toàn trình	Sở Y tế
74.	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo trong các trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư này 09/2015/TT-BYT	Toàn trình	Sở Y tế
75.	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Toàn trình	Sở Y tế
76.	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Toàn trình	Sở Y tế
77.	1.006822	Cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo, tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm	Toàn trình	Sở Y tế
78.	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Toàn trình	Sở Y tế
79.	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Toàn trình	Sở Y tế
80.	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Toàn trình	Sở Y tế
81.	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm quy định tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư 09/2015/TT-BYT	Toàn trình	Sở Y tế
VIII. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI: 11 TTHC				

82.	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.	Toàn trình	Sở Y tế
83.	2.000062	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế.	Toàn trình	Sở Y tế
84.	2.000135	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Toàn trình	Sở Y tế
85.	2.000056	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Toàn trình	Sở Y tế
86.	2.000051	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp	Toàn trình	Sở Y tế
87.	1.012991	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội.	Toàn trình	Sở Y tế
88.	1.012992	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Toàn trình	Sở Y tế
89.	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Toàn trình	Sở Y tế
90.	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	Toàn trình	Trung tâm bảo trợ xã hội
IX. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XH: 05 TTHC				

91.	2.000025	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Toàn trình	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh
92.	2.000027	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Toàn trình	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh
93.	2.000032	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Toàn trình	Sở Y tế
94.	2.000036	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Toàn trình	Sở Y tế
95.	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Toàn trình	Sở Y tế
X. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM - DINH DƯỠNG: 03 TTHC				
96.	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Toàn trình	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
97.	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Toàn trình	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

98.	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Toàn trình	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN			
	I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI: 03 TTHC			
99.	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Y tế; Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội.

100.	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.	Toàn trình	Chính quyền (hoặc công an), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội.
101.	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.	Toàn trình	Cơ sở trợ giúp xã hội.
II. LĨNH VỰC TRẺ EM: 03 TTHC				
102.	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Toàn trình	
103.	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Toàn trình	Sở Y tế, Phòng Y tế

				cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan Công an các cấp
104.	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Toàn trình	Sở Y tế, Phòng Y tế cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã
	III. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG: 01 TTHC			
105.	1.002425	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (theo phân cấp của UBND tỉnh) quy định tại Khoản 6, Điều 40 thuộc Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.		Phòng Y tế huyện, TX, TP
C.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN:			

	I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI: 11 TTHC			
106.	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Y tế;
107.	1.001758	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Toàn trình	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
108.	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi cư trú cũ và mới của đối tượng).
109.	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân

				dân cấp huyện
110.	2.000777	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Toàn trình	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố
111.	2.000744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Toàn trình	
112.	1.001739	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng trong cần bảo vệ khẩn cấp Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
113.	1.000684	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế	Toàn trình	Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố
114.	2.000298	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	Toàn trình	
115.	2.000294	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	Toàn trình	
116.	1.000669	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của	Toàn trình	Ủy ban nhân dân các

		Phòng Y tế		huyện, thị xã, thành phố
	II. LĨNH VỰC PC TỆ NẠN XÃ HỘI: 01 TTHC			
117.	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Y tế.
	III. LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI (BẢO HIỂM Y TẾ): 01 TTHC			
118.	2.002303	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế	Toàn trình	Bảo hiểm xã hội cấp huyện
D.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 08 TTHC			
119.	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Toàn trình	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn
120.	1.001653	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Toàn trình	

121.	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Toàn trình	
122.	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Toàn trình	
123.	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã
124.	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Toàn trình	Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cư trú của cá nhân, người đại diện gia đình có nguyện vọng nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em)
125.	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Toàn trình	
126.	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Toàn trình	
Tổng cộng: 126 TTHC				